

ỦY BAN DÂN TỘC VÀ
MIỀN NÚI
Số: 137/UB-TTLB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1996

THÔNG TƯ
CỦA ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Hướng dẫn thực hiện văn bản số 7464/KT-TH ngày 20-12-1995

của Chính phủ về chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá lên miền núi

Ngày 30 tháng 12 năm 1995 Chính phủ ban hành văn bản số 7464 KT-TH quyết định chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá lên miền núi, sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban Dân tộc và miền núi hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá lên miền núi là một trong những chính sách lớn của Nhà nước, nhằm tạo điều kiện để đồng bào sinh sống ở miền núi sớm phát triển sản xuất và ổn định đời sống, từng bước đưa kinh tế - xã hội miền núi đi lên, hoà nhập vào sự phát triển chung của cả nước.

2. Kinh phí trợ giá, trợ cước hàng năm cho từng địa phương miền núi được phân bổ theo thứ tự ưu tiên khu vực III - II - I (Khu vực được phân định theo quy định tại văn bản hướng dẫn số 41 UB-TT ngày 8-1-1996 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi).

3. Đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước

Nhân dân các dân tộc sinh sống trên các tỉnh miền núi, vùng miền núi thuộc các tỉnh có miền núi và hải đảo (bao gồm cả công nhân viên chức, cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang) được mua một số mặt hàng quy định bán có trợ giá, trợ cước vận chuyển tương đương với giá ở thị xã tỉnh lỵ của tỉnh đó đúng chất lượng (riêng than được thực hiện với tất cả các doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn của các tỉnh miền núi và vùng núi của các tỉnh có miền núi)

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Mặt hàng, cự ly tính trợ cước vận chuyển

a. Các mặt hàng trợ giá và trợ cước vận chuyển đến trung tâm cụm xã miền núi:

a1. Các mặt hàng trợ giá và trợ cước vận chuyển:

Giống cây trồng (chủ yếu là giống cây lương thực)

Muối iốt

a2. Các mặt hàng trợ cước vận chuyển:

Dầu hoả

Thuốc chữa bệnh

Giấy viết học sinh

b. Các mặt hàng trợ cước vận chuyển đến trung tâm huyện miền núi:

Phân bón hoá học

Thuốc trừ sâu

Than mỏ

c. Điểm khởi đầu tính cự ly trợ cước vận chuyển:

c1. Đối với các tỉnh miền núi vùng cao: Điểm khởi đầu tính cự ly trợ cước vận chuyển được tính từ điểm quy định là chân hàng trung ương (điểm được quy định này do Bộ Thương mại cùng Ban vật giá Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan quy định cụ thể cho từng ngành hàng)

c2. Đối với các tỉnh có vùng miền núi và hải đảo: Điểm khởi đầu tính cự ly trợ cước vận chuyển được tính từ trung tâm thị xã tỉnh lỵ của tỉnh đó.

c3. Đối với các tỉnh có một số xã miền núi: (tỉnh không có huyện miền núi): Không thực hiện chính sách trợ giá và trợ cước vận chuyển các mặt hàng nêu trên.

2. Cách tính trợ giá và trợ cước:

a. Muối iốt: Trợ giá tiền công trộn iốt vào muối (theo văn bản 261 VGCP ngày 11-4-1995 của Ban vật giá Chính phủ) bao PE để đóng túi nhỏ (trừ phần do UNICEF viện trợ bao PE và hoá chất) và trợ cước vận chuyển như quy định tại điểm 1 phần II theo nguyên tắc:

a1. Đối với địa phương tự trộn muối iốt: Trợ giá công trộn và bao PE (như quy định tại mục a điểm 2) và trợ cước vận chuyển muối trắng nguyên liệu từ điểm quy định là chân hàng trung ương đến điểm trộn muối iốt của tỉnh (trừ các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào phía Nam, là những

tỉnh có đồng muối hoặc gần đồng muối không tính khoản trợ cước này. Không kể 4 tỉnh vùng Tây Nguyên: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng) và trợ cước vận chuyển muối thành phẩm từ điểm trộn muối iốt của tỉnh đến cụm xã miền núi.

a2. Đối với địa phương nhận muối iốt của doanh nghiệp trung ương: a2.1. Trợ giá công trộn và bao PE (như quy định tại mục a điểm 2) cho doanh nghiệp sản xuất muối iốt giao cho địa phương

a2.2. Trợ cước vận chuyển muối iốt từ kho giao hàng của doanh nghiệp giao muối iốt đến cụm xã miền núi của tỉnh miền núi và từ trung tâm tỉnh đến cụm xã miền núi của tỉnh có miền núi và hải đảo.

a3. Kinh phí trợ giá và trợ cước vận chuyển muối nguyên liệu và muối iốt được thực hiện thông qua chương trình quốc gia phòng chống các rối loạn thiếu iốt do Bộ Y tế quản lý.

b. Giống cây trồng (chủ yếu là giống cây lương thực - Giống mới có năng suất cao)

Trợ giá giống và trợ cước vận chuyển giống theo nguyên tắc để nông dân ở các vùng miền núi có khó khăn được mua giống mới với mức giá tương đương ba lần giá (thóc, ngô...) thành phẩm thông thường cùng loại (Không thực hiện với các hộ trong các đơn vị kinh tế quốc doanh).

Cách tính:

Mức trợ Giá mua cộng với Ba lần mức giá sản phẩm

giá và = chi phí lưu thông - thông thường cùng loại

trợ cước hợp lý tại địa phương

Ví dụ: Mức bù 1 kg thóc giống, giống mới có năng suất cao được tính như sau:

Mua một kg thóc giống (của trại hoặc nơi mua) giá 20.000 đồng

Chi phí lưu thông hợp lý đến cụm xã: 4.000 đồng

Giá thóc thường trên thị trường tại địa phương cùng thời điểm: 2.500 đồng

Mức trợ giá và

trợ cước 1 kg = 20.000 đ + 4.000 đ - (2.500 đ x 3) = 16.500 đ

thóc giống mới

Trong phạm vi kinh phí trợ giá và trợ cước vận chuyển giống cây lương thực được Nhà nước phân bổ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn loại giống, xác định địa bàn và đối tượng